CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Tháng 8 năm 2024

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7
Ký ngày: 14/8/2024 14:06:36

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 27

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt May 7 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Lại Thị Bảy	Chủ tịch
Ông Đinh Quang Nhẫn	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Dương	Thành viên
Ông Cao Xuân Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Thùy	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thuận	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đinh Quang Nhẫn	Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Dương	Phó Giám đốc
Ông Hà Hồng Quân	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Đinh Quang Nhẫn - Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7

Đinh Quang Nhẫn
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Lầu 4, tòa nhà Hải Âu TIC, 39B Trường Sơn
Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
T : (+84 28) 7303 2007

Số: 1978/2024/BCSX-ICPA.SG

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dệt May 7

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dệt May 7 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2024, từ trang 5 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được kiểm toán và soát xét tương ứng bởi các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Theo đó, các kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần vào ngày 29 tháng 3 năm 2024 và kết luận báo cáo soát xét không có ghi chú ngoại trừ vào ngày 11 tháng 8 năm 2023.

M.S.C.N: 0101177123-001-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ -CHI NHÁNH SÀI GÒN
Q. TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

Lương Giang Thạch
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2023-072-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
CHI NHÁNH SÀI GÒN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**277.005.239.246**	**333.140.259.403**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**67.961.289.133**	**15.299.677.570**
1. Tiền	111		47.961.289.133	5.299.677.570
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	10.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**82.643.334.262**	**209.303.563.445**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	57.879.039.404	180.501.166.415
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		441.842.447	2.972.597.270
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	24.322.452.411	25.829.799.760
III. Hàng tồn kho	**140**		**123.999.461.173**	**108.189.581.639**
1. Hàng tồn kho	141	V.4	123.999.461.173	108.189.581.639
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.401.154.678**	**347.436.749**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	784.801.247	347.436.749
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.616.353.431	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**149.313.920.839**	**163.697.663.129**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**5.400.000.000**	**5.400.000.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.3	5.400.000.000	5.400.000.000
II. Tài sản cố định	**220**		**131.986.894.486**	**141.264.174.384**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	131.986.894.486	141.264.174.384
- Nguyên giá	*222*		*514.434.424.837*	*514.623.742.932*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(382.447.530.351)*	*(373.359.568.548)*
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**11.927.026.353**	**17.033.488.745**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	11.859.491.943	16.993.723.295
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.7	67.534.410	39.765.450
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**426.319.160.085**	**496.837.922.532**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**161.040.636.264**	**211.556.497.210**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**161.040.636.264**	**211.556.497.210**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	74.924.236.189	108.665.532.438
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	63.247.453.608	55.682.663.147
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	2.335.212.111	9.570.602.142
4. Phải trả người lao động	314		6.077.422.615	22.021.345.558
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.360.498.223	1.133.257.422
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	4.228.016.936	7.357.081.065
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	1.035.950.154
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.12	8.867.796.582	6.090.065.284
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**265.278.523.821**	**285.281.425.322**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.13**	**265.278.523.821**	**285.281.425.322**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		154.111.000.000	154.111.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*154.111.000.000*	*154.111.000.000*
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		93.150.510.200	76.694.356.505
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.017.013.621	54.476.068.817
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*5.809.901*	*15.239.331.726*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*421b*		*18.011.203.720*	*39.236.737.091*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**426.319.160.085**	**496.837.922.532**

Nguyễn Thị Liễu	Nguyễn Thị Đức	Đinh Quang Nhẫn
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Ngày 12 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**217.085.110.984**	**283.716.186.423**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	6.676.100
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	**10**	**VI.1**	**217.085.110.984**	**283.709.510.323**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	176.568.280.350	245.123.948.342
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**40.516.830.634**	**38.585.561.981**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	445.280.331	681.982.661
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	2.335.134.833	(3.836.886.186)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	16.401.376.366	13.316.361.957
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	**30**		**22.225.599.766**	**29.788.068.871**
11. Thu nhập khác	31		288.957.483	1.433.804.810
12. Chi phí khác	32		552.599	2.427
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**288.404.884**	**1.433.802.383**
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**22.514.004.650**	**31.221.871.254**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	4.530.569.890	6.299.505.698
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.7	(27.768.960)	(55.131.447)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**18.011.203.720**	**24.977.497.003**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	816	1.339

M.S.D.N: 0300509782 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7 - Q.TÂN BÌNH - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Liễu	Nguyễn Thị Đức	Đinh Quang Nhẫn
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Ngày 12 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	348.490.083.030	213.309.849.669
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(191.204.190.937)	(161.446.628.755)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(44.353.057.669)	(46.337.476.497)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(7.961.273.151)	(9.904.153.670)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.207.718.889	21.747.997.326
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(34.402.306.271)	(36.154.823.345)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**75.776.973.891**	**(18.785.235.272)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.376.000	936.400.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	445.280.331	681.982.661
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**447.656.331**	**1.618.382.661**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23.563.018.659)	(21.179.494.202)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(23.563.018.659)**	**(21.179.494.202)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**52.661.611.563**	**(38.346.346.813)**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**15.299.677.570**	**41.898.955.236**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	**70**	**67.961.289.133**	**3.552.608.423**

Nguyễn Thị Liễu	Nguyễn Thị Đức	Đinh Quang Nhẫn
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Ngày 12 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dệt May 7 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Dệt May 7 từ ngày 03 tháng 7 năm 2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300509782 và thay đổi lần thứ 6 ngày 24 tháng 3 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp về việc thay đổi thông tin người đại diện pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty là 154.111.000.000 đồng, chia thành 15.411.100 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 109A Đường Trần Văn Dư, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh của Công ty: Det May 7 Joint Stock Company.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 lần lượt là 507 người và 519 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và thương mại.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là may trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); sản xuất sợi; sản xuất vải dệt thoi; hoàn thiện sản phẩm dệt; sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) nhuộm, in ấn; gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh.

Hoạt động chính của Công ty may trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); dệt, nhuộm, in, gia công sản phẩm cơ khí, bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh, mua bán các loại nguyên vật liệu, phụ tùng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập hoạt động theo sự ủy quyền của Công ty, có trụ sở chính tại tại xóm 8, Xã Hòa Hậu, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam. Chi nhánh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số là 0300509782-002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp ngày 30 tháng 03 năm 2021. Hoạt động kinh doanh chính của chi nhánh này là may trang phục (trừ trang phục từ da lông thú).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 10
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí thuê máy móc thiết bị, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí trả trước khác.

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính tổng hợp dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng (tiếp theo)

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

(d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong kỳ.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính tổng hợp. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	400.654.180	83.600.130
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	47.560.634.953	5.216.077.440
Các khoản tương đương tiền *(i)*	20.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	**67.961.289.133**	**15.299.677.570**

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại Ngân Hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh với kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng, lãi suất trong kỳ là 2,6%/năm.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Cục Quân Nhu -TCHC	27.671.534.264	146.181.536.649
Phải thu bên liên quan *(Xem thuyết minh VII.2)*	7.138.976.163	299.197.800
Các khách hàng khác	23.068.528.977	34.020.431.966
Cộng	**57.879.039.404**	**180.501.166.415**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

3. Phải thu khác

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phi hỗ trợ, bồi thường của Nhà nước phục vụ dự án nhà ga T3 chờ quyết toán *(i)*	23.638.152.911	20.025.293.794
Tạm chia cổ tức	-	3.733.338.975
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN người lao động	263.451.442	273.664.459
Các khoản khác	420.848.058	1.797.502.532
Cộng	**24.322.452.411**	**25.829.799.760**
b. Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	5.400.000.000	5.400.000.000
Cộng	**5.400.000.000**	**5.400.000.000**
Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan *(Xem thuyết minh VII.2)*	-	3.733.338.975

(i) Số dư là khoản hỗ trợ tháo dỡ, di dời nhà xưởng, máy móc liên quan đến việc Nhà nước thu hồi đất của Công ty Dệt May 7 để thực hiện dự án Xây dựng đường nối đường Trần Quốc Hoàn - đường Cộng Hòa, Tân Bình. Công ty đang làm việc với Ủy ban bồi thường để thu hồi khoản kinh phí hỗ trợ này.

4. Hàng tồn kho

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.473.217.623	-	10.687.365.515	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29.829.577.698	-	19.331.193.684	-
Thành phẩm	83.696.665.852	-	78.171.022.440	-
Cộng	**123.999.461.173**	**-**	**108.189.581.639**	**-**

5. Chi phí trả trước

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	143.462.247	337.386.749
Chi phí ngắn hạn khác	641.339.000	10.050.000
	784.801.247	**347.436.749**
b. Dài hạn		
Chi phí thuê máy móc thiết bị	6.691.666.677	10.341.666.675
Chi phí sửa chữa	5.022.914.418	6.377.777.776
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	27.240.399	84.039.353
Chi phí trả trước dài hạn khác	117.670.449	190.239.491
	11.859.491.943	**16.993.723.295**
Cộng chi phí trả trước	**12.644.293.190**	**17.341.160.044**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2024	90.921.704.370	415.489.055.954	8.212.982.608	514.623.742.932
Thanh lý, nhượng bán	-	(189.318.095)	-	(189.318.095)
Tại ngày 30/06/2024	**90.921.704.370**	**415.299.737.859**	**8.212.982.608**	**514.434.424.837**
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2024	53.441.917.329	312.467.633.761	7.450.017.458	373.359.568.548
Khấu hao trong kỳ	1.026.756.228	8.106.722.156	143.801.514	9.277.279.898
Thanh lý, nhượng bán	-	(189.318.095)	-	(189.318.095)
Tại ngày 30/06/2024	**54.468.673.557**	**320.385.037.822**	**7.593.818.972**	**382.447.530.351**
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2024	**37.479.787.041**	**103.021.422.193**	**762.965.150**	**141.264.174.384**
Tại ngày 30/06/2024	**36.453.030.813**	**94.914.700.037**	**619.163.636**	**131.986.894.486**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 lần lượt là 309.725.008.706 đồng và 309.601.526.801 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đang chờ thanh lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 592.249.586 đồng.

7. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	67.534.410	39.765.450
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	**67.534.410**	**39.765.450**

Số dư cuối kỳ là tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản thành phẩm nhập kho từ chi nhánh còn tồn tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, giá trị thành phẩm nhập từ chi nhánh còn tồn là 337.672.050 đồng, tương ứng với giá trị tài sản thuế hoãn lại là 67.534.410 đồng. Khoản thuế hoãn lại này sẽ được hoàn nhập dần khi Công ty xuất bán các thành phẩm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
	Giá trị (đồng thời là số có khả năng thanh toán)	
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng Liên Việt	13.819.930.984	29.538.000
Công ty TNHH Chan Chem	12.034.362.500	12.114.835.000
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Thanh Quang	3.566.323.250	18.583.143.759
Phải trả bên liên quan *(Xem thuyết minh VII.2)*	17.535.438.120	21.308.690.450
Các nhà cung cấp khác	27.968.181.335	56.629.325.229
Cộng	**74.924.236.189**	**108.665.532.438**

9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh	35.425.107.700	-
Tổng cục Hậu cần	17.380.000.000	46.100.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ XNK Loan Huỳnh	10.440.119.417	9.555.119.417
Các khách hàng khác	2.226.491	27.543.730
Cộng	**63.247.453.608**	**55.682.663.147**

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.725.089.369	5.776.588.773	9.501.678.142	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	16.146.341	16.146.341	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.631.273.151	4.530.569.890	7.961.273.151	2.200.569.890
Thuế thu nhập cá nhân	207.964.262	810.338.870	889.791.231	128.511.901
Thuế tài nguyên	6.275.360	33.258.960	33.404.000	6.130.320
Các khoản phải nộp khác	-	26.243.225	26.243.225	-
Cộng	**9.570.602.142**	**11.193.146.059**	**18.428.536.090**	**2.335.212.111**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

11. Phải trả khác

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Kinh phí, đoàn phí công đoàn	1.355.056.550	1.139.572.035
Cổ tức của cổ đông công đoàn	739.344.814	2.141.657.848
Kinh phí, đảng phí	683.160.251	737.568.775
Phải trả về tiền sử dụng đất quốc phòng	647.018.376	-
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	130.264.703	90.883.791
Các khoản phải trả khác	673.172.242	3.247.398.616
Cộng	**4.228.016.936**	**7.357.081.065**

12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Số dư đầu kỳ	6.090.065.284	4.495.658.022
Trích lập quỹ trong kỳ	11.645.713.121	12.176.249.356
Sử dụng quỹ trong kỳ	(8.867.981.823)	(5.592.767.482)
Sô dư cuôi kỳ	**8.867.796.582**	**11.079.139.896**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu

a. *Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	**154.111.000.000**	**60.247.876.781**	**54.649.830.806**	**269.008.707.587**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	24.977.497.003	24.977.497.003
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	16.446.479.724	(16.446.479.724)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(11.844.749.356)	(11.844.749.356)
Quỹ thưởng Ban quản lý và điều hành công ty	-	-	(331.500.000)	(331.500.000)
Chia cổ tức	-	-	(10.787.770.000)	(10.787.770.000)
Tại ngày 30/06/2023	**154.111.000.000**	**76.694.356.505**	**40.216.828.729**	**271.022.185.234**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	14.637.016.921	14.637.016.921
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(377.776.833)	(377.776.833)
Tại ngày 01/01/2024	**154.111.000.000**	**76.694.356.505**	**54.476.068.817**	**285.281.425.322**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	18.011.203.720	18.011.203.720
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	16.456.153.695	(16.456.153.695)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(11.479.045.121)	(11.479.045.121)
Quỹ thưởng Ban quản lý và điều hành công ty	-	-	(166.668.000)	(166.668.000)
Chia cổ tức	-	-	(26.368.392.100)	(26.368.392.100)
Tại ngày 30/06/2024	**154.111.000.000**	**93.150.510.200**	**18.017.013.621**	**265.278.523.821**

Công ty trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết số số 99/NQ-HĐQT của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 19 tháng 4 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Cổ đông

Tên cổ đông	Tại ngày 30/06/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Số lượng Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Giá trị VND	Số lượng Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Giá trị VND
Công ty TNHH MTV Đông Hải	7.859.661	51,00%	78.596.610.000	7.859.661	51,00%	78.596.610.000
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thành Vinh	2.000.000	12,98%	20.000.000.000	2.000.000	12,98%	20.000.000.000
Bà Trần Thị Phương Hạnh	2.000.000	12,98%	20.000.000.000	2.000.000	12,98%	20.000.000.000
Ông Đặng Văn Lâm	2.000.000	12,98%	20.000.000.000	2.000.000	12,98%	20.000.000.000
Các cổ đông khác	1.551.439	10,06%	15.514.390.000	1.551.439	10,06%	15.514.390.000
Cộng	**15.411.100**	**100,00%**	**154.111.000.000**	**15.411.100**	**100,00%**	**154.111.000.000**

c. Cổ phiếu

	30/06/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.411.100	15.411.100
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và thanh toán đủ	15.411.100	15.411.100
+ Cổ phiếu phổ thông	*15.411.100*	*15.411.100*
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.411.100	15.411.100
+ Cổ phiếu phổ thông	*15.411.100*	*15.411.100*
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/Cổ phiếu		

d. Cổ tức

Trong kỳ, Công ty đã chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 với tỷ lệ 12,36% trên lợi nhuận sau thuế năm 2023 và 4,75% trên lợi nhuận sau thuế tăng thêm năm 2022 sau kiểm toán nhà nước, tương ứng với 26.368.392.100 đồng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 19 tháng 4 năm 2024.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Doanh thu bán thành phẩm	217.085.110.984	283.716.186.423
Hàng bán bị trả lại	-	6.676.100
Doanh thu thuần	**217.085.110.984**	**283.709.510.323**
Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với bên liên quan *(xem chi tiết tại Thuyết minh VII.2)*	*20.935.043.936*	*18.632.958.222*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	176.568.280.350	245.123.948.342

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lãi tiền gửi	445.280.331	681.982.661

4. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí nhân viên	1.105.727.270	1.266.869.232
Chi phí vật liệu, bao bì	52.282.434	74.906.345
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.303.032	40.303.032
Chi phí hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	(1.035.950.154)	(6.841.686.871)
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	2.172.772.251	1.622.722.076
Cộng	**2.335.134.833**	**(3.836.886.186)**

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.529.240.264	6.713.099.488
Chi phí đồ dùng văn phòng	122.543.032	76.220.289
Chi phí khấu hao tài sản cố định	459.144.084	475.460.770
Thuế, phí và lệ phí	59.502.185	74.997.738
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.092.538.769	2.234.996.615
Chi phí bằng tiền khác	3.138.408.032	3.741.587.057
Cộng	**16.401.376.366**	**13.316.361.957**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**22.514.004.650**	**31.221.871.254**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	138.844.802	275.657.236
Các khoản chênh lệch tạm thời chưa tính thuế hoãn lại	*138.844.802*	*275.657.236*
Thu nhập chịu thuế	**22.652.849.452**	**31.497.528.490**
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	4.530.569.890	6.299.505.698
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**4.530.569.890**	**6.299.505.698**

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.011.203.720	24.977.497.003
Trừ: Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng Hội đồng Quản trị	(5.438.965.000)	(4.338.115.123)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**12.572.238.720**	**20.639.381.880**
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	15.411.100	15.411.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**816**	**1.339**

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc năm trước để phản ánh quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên sổ phiếu của năm nay đã trừ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 đã được thông qua tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	139.513.001.169	195.149.896.292
Chi phí nhân công	32.126.011.261	35.379.679.291
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.277.279.898	9.474.695.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	30.412.526.647	21.916.571.724
Cộng	**211.328.818.975**	**261.920.842.975**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	6.751.563.828	6.751.563.828

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Trong vòng một năm	6.203.127.656	6.203.127.656
Trong năm thứ hai	6.203.127.656	6.203.127.656
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.882.110.241	6.336.655.696
Sau năm năm	46.137.539.300	47.431.576.047
Cộng	**62.425.904.853**	**66.174.487.055**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tiền thuê theo Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho bãi và máy móc thiết bị tại xóm 8, xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, diện tích thuê là 4.500 m2. Thời hạn thuê là 5 năm kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2026.

- Tiền thuê theo Hợp đồng thuê tài sản là máy kiềm bóng và bộ thu hồi và làm đặc xút. Thời hạn thuê là 5 năm kể từ ngày 9 tháng 9 năm 2020. Công ty đã trả trước toàn bộ tiền thuê tài sản trong 5 năm.

- Tiền thuê đất quốc phòng theo Hợp đồng sử dụng đất quốc phòng giữa Bộ Quốc Phòng và Công ty TNHH MTV Đông Hải số 1604/HĐSDĐQP tại số 109A Trần Văn Dư, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích thuê là 37.487 m2. Thời hạn thuê là 49 năm kể từ ngày 29 tháng 02 năm 2016.

- Tiền thuê đất quốc phòng theo Quyết định giao đất số 2370/QĐ-BTL ngày 08 tháng 10 năm 2018 và Biên bản giao đất số 7441/BB-BTM ngày 02 tháng 11 năm 2018 tại số D23 Cộng Hòa, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích thuê là 3.000 m2. Thời hạn thuê là 46 năm 3 tháng kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2018.

2. Bên liên quan

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Đông Hải	Công ty mẹ
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thành Vinh	Cổ đông lớn
Bà Trần Thị Phương Hạnh	Cổ đông lớn
Ông Đặng Văn Lâm	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Thủy Lâm	Chung nhân sự chủ chốt
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cao Gia Phát	Chung nhân sự chủ chốt

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Bên liên quan (tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thành Vinh	5.970.099.885	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cao Gia Phát	1.168.876.278	-
Công ty TNHH MTV Đông Hải	-	299.197.800
	7.138.976.163	**299.197.800**
Phải thu khác		
Tạm chia cổ tức		
Công ty TNHH MTV Đông Hải	-	3.733.338.975
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Thủy Lâm	17.535.438.120	21.308.690.450

Chi tiết các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Công ty TNHH MTV Đông Hải		
Doanh thu bán thành phẩm trong kỳ	226.601.112	572.030.483
Chia cổ tức trong kỳ	9.714.540.996	5.501.762.700
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thành Vinh		
Doanh thu bán thành phẩm trong kỳ	18.102.834.834	18.060.927.739
Hàng bán trả lại trong kỳ	-	6.676.100
Mua nguyên vật liệu trong kỳ	9.294.032.016	9.618.172.525
Mua hàng trong kỳ	-	1.303.140.000
Cho thuê mặt bằng	-	1.235.223.844
Chia cổ tức trong kỳ	3.422.000.000	1.400.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Thủy Lâm		
Mua hàng trong kỳ	22.950.440.300	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cao Gia Phát		
Doanh thu bán thành phẩm trong kỳ	2.605.607.990	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.197.645.000	1.268.786.667

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Bên liên quan (tiếp theo)

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương VND	Thù lao viên chức quản lý VND	Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Hội đồng quản trị					
Bà Lại Thị Bảy	Chủ tịch Hội đồng quản trị	183.600.000	50.744.000	-	234.344.000
Ông Nguyễn Xuân Thùy	Thành viên Hội đồng quản trị	59.925.000	10.080.000	14.280.000	84.285.000
Ông Cao Xuân Minh	Thành viên Hội đồng quản trị	-	10.080.000	28.560.000	38.640.000
Ban Kiểm soát					
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Thành viên Ban Kiểm soát	-	5.400.000	15.300.000	20.700.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy	Thành viên Ban Kiểm soát	-	3.600.000	10.200.000	13.800.000
Bà Nguyễn Thị Thuận	Thành viên Ban Kiểm soát	-	3.600.000	10.200.000	13.800.000
Ban Giám đốc và người quản lý khác					
Ông Đinh Quang Nhẫn	Giám đốc	163.200.000	44.828.000	-	208.028.000
Ông Nguyễn Thanh Dương	Phó Giám đốc	142.800.000	38.912.000	-	181.712.000
Ông Hà Hồng Quân	Phó Giám đốc	142.800.000	38.912.000	-	181.712.000
Ông Phạm Văn Tài	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 01/04/2024)	71.400.000	77.824.000	-	149.224.000
Bà Nguyễn Thị Đức	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 01/04/2024)	71.400.000	-	-	71.400.000
Cộng		**835.125.000**	**283.980.000**	**78.540.000**	**1.197.645.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Bên liên quan (tiếp theo)

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương VND	Thù lao viên chức quản lý VND	Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Hội đồng quản trị					
Bà Lại Thị Bảy	Chủ tịch Hội đồng quản trị	183.600.000	89.600.000	-	273.200.000
Ông Nguyễn Xuân Thùy	Thành viên Hội đồng quản trị	-	5.040.000	28.560.000	33.600.000
Ông Cao Xuân Minh	Thành viên Hội đồng quản trị	-	5.040.000	28.560.000	33.600.000
Ban Kiểm soát					
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Thành viên Ban Kiểm soát	-	5.400.000	15.300.000	20.700.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy	Thành viên Ban Kiểm soát	-	3.600.000	10.200.000	13.800.000
Bà Nguyễn Thị Thuận	Thành viên Ban Kiểm soát	-	300.000	10.200.000	10.500.000
Ban Giám đốc và người quản lý khác					
Ông Đinh Quang Nhẫn	Giám đốc	163.200.000	79.200.000	-	242.400.000
Ông Nguyễn Thanh Dương	Phó Giám đốc	142.800.000	68.800.000	-	211.600.000
Ông Hà Hồng Quân	Phó Giám đốc	142.800.000	73.320.000	-	216.120.000
Ông Phạm Văn Tài	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 01/04/2024)	142.800.000	70.466.667	-	213.266.667
Bà Nguyễn Thị Đức	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 01/04/2024)	-	-	-	-
Cộng		**775.200.000**	**400.766.667**	**92.820.000**	**1.268.786.667**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dệt, may. Do đó, không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

4. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7

Nguyễn Thị Liễu	Nguyễn Thị Đức	Đinh Quang Nhẫn
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Ngày 12 tháng 8 năm 2024